

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Robot Trục Kép XY - Dòng XYG430 (XY Axis Robot Specification)

HÀNH TRÌNH TỐI ĐA (MAX STROKE)

Trục X 1250 mm

Trục Y 600 mm

VẬN TỐC TỐI ĐA (MAX SPEED)

Trục X 1000 mm/s

Trục Y 1000 / 500 mm/s

- Bước 20 (Lead 20): 1000 mm/s
- Bước 10 (Lead 10): 500 mm/s

CÔNG SUẤT ĐỘNG CƠ (SERVO OUTPUT)

Trục X 400 W

Trục Y 200 W

THÔNG SỐ CƠ BẢN (SPECIFICATION)

Hạng mục (Item)	Tổ hợp bước A (Lead A)		Tổ hợp bước B (Lead B)	
	Trục X	Trục Y	Trục X	Trục Y
Mã kiểu trục (Model Type)	CFG12	CFG8	CFG12	CFG8
Độ lặp lại (Repeatability)	±0.01 mm	±0.01 mm	±0.01 mm	±0.01 mm
Bước vít me (Ball Screw Lead)	20 mm	20 mm	20 mm	10 mm
Vận tốc tối đa (Max Speed) ※1	1000 mm/s	1000 mm/s	1000 mm/s	500 mm/s
Hành trình chuẩn (Bước 50mm)	50~1250 mm	100~600 mm	50~1250 mm	100~600 mm
Công suất Servo (AC Output)	400 W	200 W	400 W	200 W
Môi trường làm việc	0~40°C, dưới 85% RH			

※1: Vận tốc tối đa (mm/s) dựa trên tốc độ quay tối đa 3000 rpm/min của động cơ AC Servo.

TẢI TRỌNG TỐI ĐA (MAXIMUM PAYLOAD - KG)

Tổ hợp bước (Lead)	Hành trình Trục Y (Y Stroke) - mm										
	100	150	200	250	300	350	400	450	500	550	600
Tổ hợp A (X:L20 / Y:L20)	9.6	9.6	9.6	9.6	9.6	9.6	9.6	9.6	7	4	2
Tổ hợp B (X:L20 / Y:L10)	24	24	24	24	21	18	13	10	7	4	2

※ Chỉ áp dụng đối với phương thức lắp đặt nằm ngang (Horizontal installation only).

HƯỚNG DẪN CHỌN MÃ SẢN PHẨM (ORDERING METHOD)

XYG430 - A 1 - B - 300 - 300 - T - C - 0001

1. Mã thân máy (Model Base)

XYG430

2. Phương thức kết nối (Combination)

A Dạng tay đòn / Cần treo (Arm Type)

3. Hướng kết hợp (Combination Direction)

- 1 Hướng 1 2 Hướng 2
3 Hướng 3 4 Hướng 4

4. Tổ hợp bước vít me (Lead Combinations)

- A Trục X: L20 / Trục Y: L20
B Trục X: L20 / Trục Y: L10

* Rỗng nếu không thuộc các tổ hợp trên (Xử lý đặc biệt)

5. Hành trình trục X (X Stroke)

50 ~ 1250 mm (Khoảng cách bước: 50 mm)

6. Hành trình trục Y (Y Stroke)

100 ~ 600 mm (Khoảng cách bước: 50 mm)

7. Tiêu chuẩn lắp động cơ (Motor Installation)

- T** Chuẩn thông dụng: Mitsubishi, Delta, Yaskawa, Inovance, v.v.
P Chuẩn động cơ Panasonic

8. Phương thức giao hàng (Delivery Method)

- C** Giao theo bộ hoàn chỉnh (By Set)
K Giao theo dạng linh kiện/mô-đun rời (By Kit)

9. Mã yêu cầu đặc biệt (Special Order No.)

0001 (Mã quy định riêng theo đơn hàng đặt đặc biệt)